

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-03-2018.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Duy.
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Vũ Ngọc Thi và ông Trịnh Văn Chi.
- *Thư ký Tòa án:* Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 06/2018/QĐST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Bạch Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1976.

ĐKHKT: Thôn 7, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở: Tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị T. Vắng mặt anh Đ.)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Bạch Thị T có quan điểm:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc Đ kết hôn hoàn toàn tự nguyện có Đ ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện B (nay là thành phố P) tỉnh Hà Nam vào ngày 19/02/1999. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm rồi mới đi đến hôn nhân. Khi cưới gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán

của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Đ ham chơi cờ bạc bỏ bê gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng càng ngày càng không hợp, quan điểm sống ngày một bất đồng. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Quá trình ly thân vợ chồng không quan tâm chăm sóc đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc Đ.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu L (con gái), sinh ngày 24/01/2000 và cháu Nguyễn Cao S (con trai), sinh ngày 02/9/2006. Khi ly hôn chị T xin nuôi 02 con chung và đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000đồng/tháng.

Hiện chị T đang làm nghề may tại nhà nên có thu nhập và nhiều thời gian chăm sóc các con.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Ngọc Đ là bị đơn trong vụ án đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý tuy nhiên anh Đ cố tình không lên làm việc. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và xác minh ở địa phương nhưng anh Đ cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình. Do đó Tòa án vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Bạch Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại khoản 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Căn cứ điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ điều 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Bạch Thị T. Xử lý hôn giữa chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Ngọc Đ.

2/ Về con chung: Giao chị Bạch Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Cao S, sinh ngày 02/9/2006 (con trai). Anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cháu Nguyễn Diệu L (con gái), sinh ngày 24/01/2000. Tại thời điểm xét xử cháu đã trên 18 tuổi nên không giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con nuôi, con riêng, tài sản, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Tại phiên tòa: Anh Nguyễn Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa. Chị Bạch Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Bạch Thị T thấy rằng: Anh Nguyễn Ngọc Đ có hộ khẩu thường trú tại thôn 7, xã Đ, thành phố P, tỉnh Hà Nam và hiện nay vẫn đang sinh sống tại tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam (có xác nhận của chính quyền địa phương) và khi Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý anh Đ đều đã nhận được có xác nhận của chính quyền địa phương vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 05 năm 2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Ngọc Đ là hoàn toàn tự nguyện có Đ ký kết hôn tại UBND xã Đình Xá, huyện Bình Lục (nay là thành phố Phủ Lý) tỉnh Hà Nam vào ngày 19/02/1999, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Bạch Thị T, HĐXX thấy:

Sau khi kết hôn vợ chồng chị Bạch Thị T đã có một thời gian dài chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã có 02 con chung. Quá trình chung sống 18 năm không đủ để vợ chồng hiểu và thông cảm cho nhau nên năm 2017 vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau. Chị T cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do anh Đ ham chơi cờ bạc bỏ bê gia đình và có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng càng ngày càng không hợp, quan điểm sống ngày một bất đồng. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn được nên từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Chị T thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn muốn chấm dứt tình trạng hôn nhân để có cuộc sống mới. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không tồn tại đã lâu nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bạch Thị T là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Diệu L (con gái), sinh ngày 24/01/2000 và cháu Nguyễn Cao S (con trai), sinh ngày 02/9/2006. Khi ly hôn chị T xin nuôi 02 con chung và đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000đồng/ tháng.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Xét thấy: Tại thời điểm xét xử cháu Nguyễn Diệu L (con gái), sinh ngày 24/01/2000 đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên theo quy định của pháp luật Tòa án không đề cập. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay cháu Sơn do chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Cháu S cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nên xét yêu cầu xin nuôi con chung của chị T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Bạch Thị T. Chị T đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 3.000.000đ/ tháng. Tuy nhiên đến nay cháu Diệu Linh đã đủ 18 tuổi nên theo quy định của pháp luật Tòa án không giải quyết. Xét lời khai chị T khai anh Đ làm nghề tự do (lái xe) cho công ty thu nhập khoảng 4.000.000đ/ tháng nên HĐXX thấy rằng mức cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/ tháng là phù hợp với thu nhập của anh Đ.

*Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc Đ đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục văn bản hợp lệ của Tòa án nhưng anh Đ vẫn vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Do đó Tòa án vẫn xét xử theo thủ tục chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 144; Điều 147; điểm e khoản 1 Điều 192; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng điều 54, 56, 57, 58, 81, 82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Bạch Thị T và anh Nguyễn Ngọc Đ.

2/ Về con chung: Giao chị Bạch Thị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung chưa thành niên của vợ chồng là cháu Nguyễn Cao S (con trai), sinh ngày 02/9/2006. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ/ tháng cho đến khi cháu S đủ 18 tuổi trưởng thành lao động tự lập được.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

Con nuôi, con riêng: Không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

3/ Về tài sản, công nợ: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000777 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Án phí cấp dưỡng nuôi con anh Đ phải nộp 300.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm chị T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Đ; TP P; tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy